

VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MIỀN TÂY NGHỆ AN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Bùi Minh Thuận

*Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh, Việt Nam*

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
ISSN: 1859-2228

Volume: 52
Issue: 3B

***Correspondence:**
bui minhthuandhv@gmail.com

Received: 22 February 2023

Accepted: 22 May 2023

Published: 20 September 2023

Citation:
Bùi Minh Thuận (2023). Văn
hóa các dân tộc thiểu số ở
miền Tây Nghệ An trong bối
cảnh hiện nay.

Vinh Uni. J. Sci.
Vol. 52 (3B), pp. 69-82
doi: 10.56824/vujs.2023B029

OPEN ACCESS

Copyright © 2023. This is an
Open Access article distributed
under the terms of the [Creative
Commons Attribution License](#)
(CC BY NC), which permits
non-commercially to share
(copy and redistribute the
material in any medium) or
adapt (remix, transform, and
build upon the material),
provided the original work is
properly cited.

Nghệ An là địa bàn sinh sống từ lâu đời của các dân tộc thiểu số như Thái, Thổ, Hmông, Khơ mú, Ô đù. Chính tại vùng đất này, các dân tộc đã “chung lưng đấu cật” cùng nhau lập bản, dựng mường, tạo dựng nên những nét văn hóa mang đậm bản sắc tộc người, góp phần hình thành nên đặc trưng văn hóa của mảnh đất nơi miền Tây Nghệ An. Tuy nhiên, trong dòng chảy của đời sống kinh tế - xã hội, sự tác động từ các chủ trương, chính sách của Nhà nước, khoảng vài chục năm trở lại đây, nhiều hiện tượng văn hóa truyền thống trong đời sống của các tộc người đang có chiều hướng suy giảm và ngày càng mai một. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An trong bối cảnh hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở vùng miền Tây Nghệ An.

Từ khóa: Văn hóa; dân tộc thiểu số; Nghệ An.

1. Mở đầu

Hiện nay, Nghệ An là tỉnh rộng nhất trong cả nước, với diện tích tự nhiên là 16.490,25 km², nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam. Dân số tỉnh Nghệ An hiện có 3.327.791 người, trong đó dân số vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên 1,2 triệu người, chiếm khoảng 39% dân số toàn tỉnh. Trong đó, diện tích vùng dân tộc thiểu số và miền núi là 13.745 km², chiếm 83% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Đây cũng chính là địa bàn sinh sống từ lâu đời của nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Theo số liệu thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, tính đến ngày 1/4/2019, ngoài người Kinh (Việt), trên địa bàn tỉnh Nghệ An có tất cả 46 dân tộc thiểu số, với số lượng là 491.267 người, chiếm 14,76% dân số toàn tỉnh và chiếm khoảng 37% dân số trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Ngoài các dân tộc di cư từ nơi khác đến trong khoảng mấy chục năm trở lại đây, có 5 dân tộc thiểu số có dân số đông, đã sinh sống từ lâu đời trên mảnh đất vùng miền Tây Nghệ An bao gồm Thái, Thổ, Hmông, Khơ mú và Ô đù (Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2019). Địa bàn sinh sống chủ yếu của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở tỉnh Nghệ An là vùng miền núi bao gồm 252 xã, 1.339 thôn, bản (trong đó có 106 xã thuộc khu vực III, 100 xã khu vực II và 46 xã khu vực I; 1.182 thôn bản đặc biệt khó khăn) (Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2020).

Sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng (1954) và đặc biệt sau khi cả nước thống nhất cùng nhau tiến lên xây dựng đất nước, đời sống văn hoá các dân tộc ít người trong cả nước nói chung và ở vùng miền Tây Nghệ An bước đầu đã có sự thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tăng trưởng, tiến bộ trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, trên nhiều phương diện lại có chiều hướng suy giảm, nhiều hiện tượng văn hoá dân tộc độc đáo của nền văn hoá bản địa bị mai một, nghèo nàn.

Trong suốt những năm vừa qua, tác giả đã thực hiện nhiều đợt khảo sát, điều tra nghiên cứu về các cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn các huyện miền Tây của tỉnh Nghệ An (Trần Văn Thúc, 2011; Vương Xuân Tình, 2015; Trần Vũ Tài, 2020; Bùi Minh Thuận, 2021...). Để thực hiện các nghiên cứu đó, phương pháp định tính và định lượng đã được sử dụng, trong đó phương pháp điền dã dân tộc học đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập thông tin, tư liệu tại cộng đồng các tộc người Thái, Hmông, Khơ mú, Ô đú, Đan Lai (Thổ). Cùng với đó, nhiều nguồn tài liệu của các học giả khác nhau nghiên cứu về những vấn đề này đã giúp tác giả có cái nhìn rõ hơn về bối cảnh lịch sử, sự biến đổi văn hóa - xã hội trong đời sống của các tộc người trên, làm cơ sở đề xuất một số ngụ ý về chính sách bảo tồn bản sắc văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

2. Nguồn gốc và lịch sử cư trú

Qua kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ học cho thấy miền núi Nghệ An nói riêng, Việt Nam nói chung được coi là một trong những khu vực sinh sống từ rất sớm của con người. Điều đó được chứng minh qua hàng loạt các di chỉ khảo cổ được phát hiện ở đây. Tiêu biểu như Di chỉ Thẩm Ôm (Quỳ Châu), đại diện cho giai đoạn sơ kỳ đá cũ; Các di chỉ: Thẩm Bông, Thẩm Kẻ Sang, Hoàng Cồn (Châu Cờn, Quỳ Châu), Kẻ Tiên, Kẻ Thảm: Bản Pun, Bản Moong (Quế Phong), Phúc Sơn (Anh Sơn), Piêng Pô (Liên Hợp, Quỳ Hợp),... đại diện cho giai đoạn hậu kỳ đá cũ - tương ứng với nền văn hoá Sơn Vi phân bố trải rộng trên địa bàn miền núi Nghệ An.

Tại các hang Thẩm Hoi (Con Cuông), hang Lèn Chùa (Tân Kỳ), hang Đồng Trương (Anh Sơn), hang Ké Xăng, hang Có Ngụn (Quỳ Châu), hang Kẻ Đón (Quế Phong)... các nhà khoa học đã tìm thấy các vết tích của văn hóa Hòa Bình. Ở các địa điểm Tương Dương, Con Cuông qua Tân Kỳ, Anh Sơn đến Quỳ Châu, Nghĩa Đàn... đã thu thập được một khối lượng lớn các hiện vật thuộc thời đại đồ đồng và sơ kỳ đồ sắt. Dấu tích văn hoá Đông Sơn điển hình ở miền núi Nghệ An là những hiện vật thu được ở Làng Vạc, bên bờ sông Hiếu ở xã Nghĩa Hòa, thị xã Thái Hòa (Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2016).

Miền núi Nghệ An là vùng đất nằm ở giao điểm của các tuyến đường giao thông quan trọng trong lịch sử phát triển của đất nước. Theo chiều Bắc - Nam, Nghệ An là nơi thu nhận các luồng di thực của thực vật, di cư của động vật và hướng thiên di chính của cư dân từ Bắc xuống Nam. Theo chiều Đông - Tây, lưu vực sông Cả với các phụ lưu từ Lào chảy qua để đổ ra biển Đông là điều kiện thuận lợi cho sự di cư theo chiều từ miền núi xuống đồng bằng và ngược lại. Bức tranh lịch sử tụ cư của cư dân Nghệ An diễn ra lâu dài. Cư dân miền núi và cư dân đồng bằng ít có mối quan hệ với nhau về nguồn gốc, ngoại trừ quan hệ giữa người Kinh (ở đồng bằng) và người Thổ (ở miền núi thấp) trong nhóm ngôn ngữ Việt - Mường. Các nhóm cư dân sinh sống ở Nghệ An nằm trong vùng hình thành các nhóm Mônggôlôit phương Nam (loại hình Nam Á) và Ôxtralôit. Trải qua quá trình tụ cư hàng ngàn năm, đến nay, ngoài tộc người Kinh (Việt) sống đan xen ở các thị trấn, công

nông lâm trường quốc doanh và một số ít Hoa Kiều, Lào Kiều, ở miền núi Nghệ An có 5 tộc người thiểu số chính (UBND tỉnh Nghệ An, 2014).

2.1. Người Thái

Dân tộc Thái hiện nay ở Nghệ An gồm có 4 nhóm địa phương: Tày Mường (Hàng Tổng, Tày Dọ), Tày Thanh (Man Thanh, Tày Nhại), Tày Mùoi và Tày Khăng thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái. Đây là bộ phận dân cư chiếm số lượng đông đảo nhất và đóng vai trò rất quan trọng trong việc thay đổi bộ mặt miền núi Nghệ An trong suốt tiến trình lịch sử cũng như trong giai đoạn hiện nay với gần 40 vạn cư dân. Đây cũng chính là địa bàn cộng đồng người Thái có số dân sinh sống tập trung đông thứ hai của cả nước sau tỉnh Sơn La.

Lịch sử cư trú của các nhóm Thái ở miền Tây Nghệ An là một vấn đề hết sức phức tạp, cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn. Mặc dù vậy, bước đầu có thể xác định các nhóm Thái có mặt ở nơi đây sớm muộn khác nhau, chia làm nhiều đợt và trải qua nhiều diễn biến phức tạp, từ đó nội bộ các nhóm không thuần nhất (Vi Văn An, 2017).

Người Thái di cư đến Nghệ An khoảng từ cuối thế kỷ X-XI với nhiều nguyên nhân khác nhau như: một bộ phận do chuyển cư tự nhiên từ Lào sang; Vào thế kỷ XV, khi tiến hành chinh phạt Đèo Cát Hãn ở Tây Bắc, Vua Lê Thái Tổ đã cho chuyển cư một bộ phận người Thái từ nơi đây vào. Ngoài ra, còn có những cộng đồng người Thái ở vùng miền Tây Thanh Hóa di cư sang. Đến nay, cộng đồng người Thái sinh sống ở hầu hết các huyện miền núi và trung du trên địa bàn tỉnh Nghệ An như: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Thanh Chương và ở một số xã của huyện Quỳnh Lưu.

Trong quá trình nghiên cứu, qua các câu chuyện truyền thuyết dân gian và đặc biệt là trong các tài liệu được ghi chép bằng tiếng Thái đã cho thấy nhóm người Thái cư trú dọc theo Quốc lộ 48A, thuộc địa bàn các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp ngày nay là nhóm có số lượng dân cư đông đảo nhất và cũng chính là con cháu của những nhóm người Thái đầu tiên di cư tới vùng miền Tây Nghệ An. Nhóm cư dân này có tên gọi là Hàng Tổng, có nơi lại gọi bằng những tên khác như người Tày Mường hay Tày Chiềng. Do di cư từ Tây Bắc vào có tổ chức theo đơn vị Mường phía nên vào Nghệ An họ mang theo tên gọi có ý nghĩa tự xưng như là người Tày Chiềng, Tày Mường (người ở vùng trung tâm của "*Mường phía*"). Nhóm Tày Mường và Tày Chiềng cư trú sớm nhất so với các nhóm người khác ở miền núi Nghệ An. Qua các sách vở bằng chữ Thái, nhóm Tày Mường đã lập làng bản ở Con Cuông và Tương Dương vào thế kỷ XIII-XIV. Ở vùng Quỳnh Châu cũ, nhóm Tày Mường đã lập nghiệp đầu tiên ở Mường Tôn (nay là xã Mường Nọc huyện Quế Phong); Kim Tiến (gồm các xã Châu Bính và Châu Tiến huyện Quỳnh Châu), Khùn Tinh (gồm các xã Châu Quang, Châu Thái, Châu Lý, Châu Đình huyện Quỳnh Hợp).

Có thể vào khoảng thế kỷ XV, nơi đây mới bắt đầu hình thành nên những bản, mường lớn, dân cư đông đúc. Tuy nhiên, sau đó còn có một đợt chuyển cư rất lớn của người Thái từ vùng miền Tây Thanh Hóa vào, diễn ra trong khoảng từ khoảng thế kỷ XVII cho đến đầu thế kỷ XVIII (Mai Thanh Sơn, 1990).

2.2. Người Thổ

Nguồn gốc tộc người và quá trình hình thành của người Thổ ở Nghệ An là khá phức tạp và còn nhiều tranh cãi. Dân tộc Thổ ở Nghệ An hiện nay bao gồm các nhóm địa phương khác nhau như Cuối, Kẹo, Mọn, Lâm La, Đan Lai và Tày Poọng. Trước đây, mỗi

nhóm đều có ý thức riêng về nguồn gốc, đặc điểm văn hóa của mình và thường tự nhận là một dân tộc.

Dựa vào các kết quả nghiên cứu có thể phác họa các nhóm như sau: Bộ phận có nguồn gốc Mường bao gồm các nhóm Mọn, Lâm La và Như Xuân; Bộ phận có nguồn gốc Việt gồm có nhóm Đan Lai (Đan Lai - Ly Hà), nhóm Cuối; Bộ phận có nguồn gốc hỗn hợp là nhóm Tày Poọng. Nguồn gốc xa xưa của người Thổ là người Việt cổ, cư trú trên một địa bàn rộng lớn là vùng núi và trung du các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Sơn Tây; vùng miền núi và đồng bằng các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Cách đây trên 4.000 năm, khối Việt cổ này đã từng bước phân tách thành 3 nhóm: Nhóm Việt (vùng trung du, châu thổ Bắc Bộ và vùng đồng bằng Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình); người Mường (vùng thung lũng chân núi hai tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa) và người Thổ (vùng miền núi thấp tỉnh Nghệ An). Người Thổ là một trong ba bộ phận của người Việt cổ, sinh sống tại một môi trường khác biệt, hình thành những nét văn hóa riêng, vừa có những nét tương đồng, tạo dựng nên một nền văn hóa Thổ. Về sau, quá trình cộng cư giữa ba khối Việt - Mường - Thổ trước những biến động của lịch sử và các điều kiện sống ở những khu vực khác nhau đã hình thành nên những nhóm địa phương như ngày nay (Vương Xuân Tình, 2015).

2.3. Người Khơ mú

Dân tộc Khơ mú hiện nay có nhiều tên gọi khác nhau. Ở một số quốc gia thuộc khu vực bán đảo Đông Dương như ở Lào, người Khơ mú được gọi bằng các tên như Xá Khao, Kha, Bit hay được gộp chung vào cùng các nhóm tộc người ở vùng rẻo giữa khác và được gọi là Lào Thên, Lào Thong. Còn ở Thái Lan họ còn được gọi bằng cái tên Kamú, Phu Thên, Kha Mu, Kham Mu. Ở Việt Nam, người Khơ mú sinh sống ở khu vực Tây Bắc và vùng miền Tây Nghệ An tự gọi mình là Kham, Kham Mụ, Cư Mụ (theo ngôn ngữ tộc người có nghĩa là người hay cộng đồng người).

Ở Nghệ An nói chung và trên địa bàn huyện Kỳ Sơn nói riêng, người Khơ mú được người Thái nơi đây gọi bằng cái tên rất là trêu mến là “Tày Hạy” có nghĩa là “người ăn nương” do đồng bào sinh sống bằng canh tác nương rẫy là chính (Vi Văn An, 2017). Năm 1979, sau nhiều lần tiến hành các cuộc điều tra xác định thành phần các dân tộc của các nhà khoa học, Nhà nước đã công bố Danh mục Thành phần các dân tộc ở Việt Nam và tên gọi Khơ mú là tên gọi thống nhất cho tộc người này trong cả nước.

Người Khơ mú ở Nghệ An có nguồn gốc từ Lào di cư sang. Quá trình di cư của người Khơ mú sang Việt Nam nói chung, miền núi Nghệ An nói riêng gắn với lịch sử của nước Lào. Khi Lào bị giặc Cờ Vàng từ Vân Nam tràn xuống xâm chiếm, người Khơ mú theo các tù trưởng đấu tranh chống giặc ngoại xâm đã di chuyển và cư trú đến các tỉnh phía Bắc Lào, Thanh Hoá và Nghệ An cách đây khoảng 200 năm. Vùng miền núi Nghệ An có nét văn hóa tương đồng với các tỉnh Xiêng Khoảng, Hủa Phăn của Lào. Khi biên giới giữa hai quốc gia chưa được vạch định rõ ràng thì việc cư dân hai nước qua lại, thay đổi địa bàn cư trú là điều dễ dàng. Vì vậy, vào khoảng những năm 1884-1887 người Khơ mú theo tù trưởng Thạo Cốt nổi dậy chống thực dân Pháp và thất bại, sau đó đa số người Khơ mú đã ở lại sinh sống tại địa bàn thuộc các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong ngày nay. Tại huyện Kỳ Sơn, đồng bào đến cư trú sớm nhất là ở các xã Mường Típ, Keng Đu, Bảo Thắng, Bảo Nam.

Sau đó, người Khơ mú còn di cư từ Lào sang rải rác thêm mấy đợt. Vào năm 1915, thực dân Pháp bắt dân Lào làm đường 7A, phu đồn điền, một số cư dân Lào trong đó có người Khơ mú đã chạy trốn sang vùng hẻo lánh ở Nghệ An. Năm 1912-1917, khi nghĩa quân Pa Chay thất bại, thực dân Pháp truy lùng quá gắt gao nên một số người Khơ mú đã từng tham gia theo nghĩa quân phải chạy trốn sang Nghệ An. Năm 1945-1946 một số người Khơ mú đi theo nghĩa quân lên vùng rừng núi Nghệ An lập căn cứ chống Pháp sau đó đã ở lại nơi đây.

2.4. Người Hmông

Tộc người Hmông ở Việt Nam thường được gọi với các tên tộc danh là: Mèo (Mẹo), Mông, Mông, Hơ mông, Mèo Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Ná Miềo, Mán Trắng. Hmông là một trong số ít các dân tộc thiểu số tại Việt Nam hiện nay có nhiều tên gọi khác nhau, các nhà nghiên cứu cũng sử dụng tên tộc danh một cách không thống nhất cho dân tộc này.

Người Hmông ở Việt Nam tự gọi dân tộc mình bằng tiếng Hmông là người Hmông. Tên dân tộc gọi theo tên mà dân tộc thường tự gọi và thừa nhận là chính xác nhất. Ở Nghệ An, người Hmông thường được các dân tộc khác gọi là người “Mẹo”. Theo các nhà nghiên cứu, người Hmông cư trú ở Nghệ An thuộc 2 ngành (nhóm) khác nhau dựa trên cách ăn mặc của nữ giới: Đó là Hmông Trắng và Hmông Đen (Nguyễn Đình Lộc, 1993), là Hmông Đơ (tức Hmông Trắng) và Hmông Hoa (tức Hmông Lèn) (Hoàng Xuân Lương, 2000).

Người Hmông từ Trung Quốc thiên di vào Việt Nam thành nhiều đợt, nhưng có 3 đợt đông nhất: Đợt một vào đời nhà Minh; đợt hai vào đời nhà Thanh; đợt ba sau khi phong trào “*Thái Bình Thiên Quốc*” bị thất bại. Đợt ba, cũng chính là đợt người Hmông thiên di lớn nhất vào Việt Nam cách ngày nay khoảng 200 năm. Tộc người Hmông từ Trung Quốc thiên di vào các tỉnh phía Bắc Việt Nam rồi lại tiếp tục di cư sang Lào. Những cộng đồng người Hmông sau khi cư trú ở Lào một thời gian lại tiếp tục di cư sang vùng miền Tây của tỉnh Nghệ An. Đến Nghệ An sớm nhất là các dòng họ Lầu, Lì, Vừ, Và.

Người Hmông có mặt ở Nghệ An từ thời gian nào? Theo Hoàng Xuân Lương “*Dòng họ Và đến Kỳ Sơn sớm nhất do ông Và Cái Gi dẫn đầu đến nay khoảng 90 năm*” (Hoàng Xuân Lương, 2000). Theo sách “*Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn*” (Nhiều tác giả, 1995) người Hmông đặt chân vào địa bàn huyện Kỳ Sơn đầu tiên là năm 1922-1923.

Các tác giả trên đều thống nhất, trên đường di cư từ Trung Quốc vào các tỉnh phía Bắc của Việt Nam, một bộ phận người Hmông đã dừng lại, cư trú một thời gian rồi mới tiếp tục di cư sang Lào bằng 2 con đường. Đa số thiên di qua tỉnh Lai Châu rồi vào tỉnh Xiêng Khoảng; Còn một bộ phận đi qua Mai Sơn, Sơn La vào Sầm Nưa, tỉnh Hủa Phăn. Những cộng đồng người Hmông này sau một thời gian sinh sống ở Lào được khoảng 3-4 đời lại tiếp tục di cư sang Nghệ An. Đa số là từ Xiêng Khoảng vào Kỳ Sơn, ngoài ra còn một số từ Sầm Nưa đi sang Quế Phong, vào Mai Sơn, Nhôn Mai (Tương Dương) đi qua Phà Nôi, Đoạc Mạy (Kỳ Sơn).

Lý do người Hmông có mặt tại Nghệ An ngoài tập quán du canh, du cư, còn có nguyên nhân khác là nhằm trốn tránh sự áp bức bóc lột tàn khốc của thực dân Pháp ở Lào. Người Hmông phải nộp tất cả các loại thuế bằng thuốc phiện, bị bắt đi làm đường 7 (năm 1915) bị đói rét, bị đánh đập tàn nhẫn, bị thực dân Pháp lùng sục truy đuổi sau cuộc khởi nghĩa Pa Chay thất bại (năm 1918). Ngoài ra người Hmông cùng Thào Tu (thủ lĩnh người

Hmông) đứng lên khởi nghĩa chống Pháp dựa vào vùng rừng núi Nghệ An làm căn cứ, sau đó nhiều người ở lại không về Lào nữa (Dương Hồng Từ, Dương Duy Tiến, 2005).

2.5. Người Ô đư

Dân tộc Ô đư thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me. Qua nguồn tài liệu nghiên cứu của các nhà Dân tộc học, Ngôn ngữ học, Văn học,... đã có bằng chứng cho thấy những khu vực dọc theo lưu vực các con sông Nậm Nơn, Nậm Mộ thuộc địa bàn hai huyện Tương Dương, Kỳ Sơn và một phần đất rộng lớn bên kia biên giới Việt - Lào, thời xa xưa vốn là địa bàn cư trú của cộng đồng người Ô đư. Trước kia, họ thường sống thành từng bản riêng, có những trung tâm lớn như Xiềng Mèn (vùng Yên Hoà - Nga My), Mường Lằm (Hữu Khuông), Bản Com (Kim Đa), Huồi Hòm - Huồi Piêng (Thạch Giám - Tương Dương). Hiện nay, ở Lào có rất nhiều người Ô đư sinh sống ở các tỉnh như Phong Xa Lỳ, Xiềng Khoáng, U Đôm Xây,...

Trước kia, người Ô đư mang tên gọi miệt thị là Tày Hát. Theo ngôn ngữ của người Thái gọi người Ô đư là “Tày Hát” nghĩa là “*Người đối rách*”. Đồng bào tự gọi mình là Phrom Ô đư (người Ô đư). Đây là một trong các yếu tố để xác định thành phần dân tộc. Tại cuộc Tổng điều tra dân số ngày 01/4/1974, tên gọi Ô đư được sử dụng làm tộc danh chính thức. Ngày nay, dọc theo lưu vực các con sông Nậm Nơn, Nậm Mộ còn có nhiều địa danh mang ngôn ngữ của người Ô đư. Trước những biến động lớn trong lịch sử đã làm cho quá trình phân bố của các tộc người ở vùng miền núi Nghệ An có nhiều xáo trộn, người Ô đư phải rời bỏ những nơi sầm uất để tìm tới những nơi hẻo lánh để cư trú hoặc sống hoà trộn vào các dân tộc khác trong vùng. Từ đó, đời sống sinh hoạt kinh tế, văn hoá, xã hội, ý thức dân tộc của tộc người Ô đư có những biến chuyển sâu sắc và dần dần bị mai một.

Mặc dù dân số hiện nay chỉ có 411 người, nhưng tộc người Ô đư vẫn là một trong 54 thành phần dân tộc, là một trong năm dân tộc có số dân ít nhất và Nghệ An là tỉnh duy nhất ở Việt Nam có người Ô đư sinh sống.

Quá trình hình thành và phát triển của các cộng đồng tộc người thiểu số sinh sống ở vùng miền núi phía Tây của tỉnh Nghệ An đã cho chúng ta thấy bức tranh phân bố tộc người mang đặc điểm như là bức tranh thu nhỏ của sự phân bố cư dân các dân tộc ở nước ta, rất phong phú và đa dạng, vừa có những tính biệt lập riêng, độc đáo vừa có tính thống nhất về văn hoá.

3. Bối cảnh văn hóa tộc người

Sự hình thành của một cộng đồng tộc người luôn bắt đầu từ một vùng lãnh thổ nhất định về mặt địa lý. Nhà dân tộc học Xô Viết Kozlov cho rằng: “*Tộc người là một cộng đồng người có bản sắc riêng, cùng chia sẻ những đặc điểm cơ bản như tên gọi riêng, ngôn ngữ, lãnh thổ, những đặc điểm đặc biệt về tinh thần, văn hóa và nếp sống hàng ngày cũng như một số hình thái đặc biệt về tổ chức lãnh thổ - xã hội hay một định hướng để tạo nên một đặc trưng nào đó. Cộng đồng tộc người có thể được hình thành trên một lãnh thổ cụ thể nhưng cũng có thể xuyên qua những đường biên giới, và có những pha trộn đáng kể các thành tố xã hội được thu nhận trong tiến trình phát triển*” (Kozlov, 1967). Tiêu chí lãnh thổ tộc người là một tiêu chí tham khảo trong quá trình xác định thành phần tộc người ở Việt Nam trước năm 1979. Mỗi cộng đồng tộc người đều được hình thành trên một không gian địa lý, một vùng lãnh thổ nhất định. Tại mỗi nơi đó, qua quá trình tiếp xúc, ứng xử với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và thực hành văn hóa với các điều kiện tự nhiên

đặc trưng và xã hội cụ thể đã góp phần hình thành nên đời sống sinh hoạt văn hóa từ đó tạo dựng nên bản sắc văn hóa của tộc người.

Đặc trưng văn hóa của một cộng đồng người luôn là một hệ thống hữu cơ bao gồm các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể do con người sáng tạo và tích lũy qua hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội... Do đó, có thể nói, văn hóa là một bộ phận quan trọng không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của một cộng đồng người (Nguyễn Hữu Thông, 2004).

Các cộng đồng dân tộc thiểu số như người Hmông, Khơ mú, Ô đú hay nhóm người Đan Lai, Tày Pọng (Thổ) thường bị đánh giá là “chậm tiến bộ” hay “lạc hậu” theo nhận thức và tiêu chuẩn của người Kinh, người Thái. Trong công trình nghiên cứu của Mai Thanh Sơn và cộng sự đã chỉ ra rằng *“Theo quan điểm chung hiện nay, người ta thường cho rằng sự chậm tiến của các dân tộc thiểu số là do người dân có đời sống lạc hậu và bảo thủ, ít có khả năng phát triển bởi vì trí tuệ họ thấp kém, tuy điều đó ít khi được nói thẳng ra, nhưng nó tồn tại trong tiềm thức của nhiều người. Với cách nhìn đó, người ra cho rằng, việc từ bỏ các tập quán truyền thống là đương nhiên hợp với đạo lý. Thông điệp này dường như xuyên suốt một cách công khai trong khi xây dựng và thực hiện các công trình nhà nước cũng như các dự án hỗ trợ của nước ngoài”* (Mai Thanh Sơn và cộng sự, 2007).

Tuy nhiên, dưới cách tiếp cận dân tộc học/nhân học có thể thấy rõ trong các chương trình, chính sách của Nhà nước chưa thực sự tính toán đầy đủ và khoa học về sự đa dạng của văn hóa. Cuộc sống khó khăn đã cuốn trôi tất cả những gì không còn môi trường tồn tại. Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn tộc người trong thời gian quan thực sự phải đối mặt với những áp lực của quá trình phát triển, của nền kinh tế thị trường đang ngày một phát triển mạnh mẽ với những quy luật riêng của nó.

3.1. Trong lĩnh vực văn hóa vật thể

Đây là lĩnh vực bao gồm các thành tố văn hóa tộc người như: nhà cửa, trang phục, ẩm thực, các phương tiện sinh hoạt... ngày càng có nhiều biến động trong đời sống của các cộng đồng người. Hiện tượng này diễn ra do sự phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nguồn nguyên liệu và cả thị hiếu thẩm mỹ trong đời sống của các dân tộc (Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu, 1998).

Những phương tiện vật chất đáp ứng nhu cầu văn hoá mới ngày càng được tăng cường cho các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn với những hình thức như thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các phương pháp, kỹ thuật trong chăn nuôi, canh tác nông - lâm nghiệp, dân số - kế hoạch hoá gia đình... vào đời sống của người dân qua đài radio, tivi hay hệ thống loa phát thanh nội bản... đã góp phần quan trọng trong việc từng bước nâng cao nhận thức trong đời sống của cộng đồng.

Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy rõ sự thay đổi môi trường sinh thái ở vùng miền núi ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Nguồn tài nguyên rừng đang ngày càng cạn kiệt, nguồn dân số tăng nhanh trong nội bộ cộng đồng các dân tộc thiểu số, cùng với đó là sự di cư của người Kinh lên miền núi ngày càng đông đã làm cho không gian sinh tồn của các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi phía Tây Nghệ An ngày càng bị thu hẹp, chất lượng môi trường sống ngày càng sa sút và bị hủy hoại.

Hiện nay, các thành tố văn hoá truyền thống như nhà cửa, trang phục, các phương tiện sinh hoạt... có nhiều thay đổi. Điều này đi liền với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, những cải tiến về nguyên vật liệu và sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ của người

dân. Các bản làng theo kiểu truyền thống không còn được như xưa, nhất là các bản làng của cộng đồng người Thái, người Thổ, người Ô du... Do thiếu nguyên vật liệu, nhất là gỗ, đồng thời do ảnh hưởng tập quán của người Kinh nên hầu hết các dân tộc ở nhà sàn có xu hướng chuyển sang nhà đất, tạo nên môi trường sinh hoạt không phù hợp với địa bàn miền núi và làm mất đi nét độc đáo trong kiến trúc nhà ở. Cách bố trí bên trong ngôi nhà cũng ít tính đặc trưng tộc người hơn. Đời sống kinh tế ngày càng phát triển khiến cho các vật dụng sinh hoạt trong gia đình cũng trở nên phong phú, tiện nghi hơn nhưng trong một bộ phận người dân, nhất là giới trẻ, đã nảy sinh tâm lý chuộng những đồ dùng hiện đại, dẫn đến tình trạng những sản phẩm truyền thống bị xem nhẹ.

Sự thay đổi này không phù hợp với sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng dân tộc nơi miền núi phía Tây Nghệ An, vừa làm mai một và mất đi những sắc thái độc đáo trong kiến trúc nhà ở của các dân tộc, dẫn tới khuynh hướng quy hoạch nhà ở trong các bản làng theo kiểu kiến trúc đô thị, xa lạ với nếp sống truyền thống lâu đời của cư dân miền núi.

Trong khoảng vài chục năm trở lại đây, khi thực hiện các chương trình di dân tái định cư bắt buộc trong các dự án phát triển của nhà nước như đưa người Đan Lai (Thổ) ra khỏi vùng lõi Vườn Quốc gia Pù Mát đến định cư tại địa bàn các xã thuộc huyện Con Cuông vào các năm 2001, 2007, 2019 hay dự án thủy điện Bản Vẽ thực hiện năm 2003 trên địa bàn huyện Tương Dương đã ảnh hưởng tới cuộc sống của các cộng đồng tộc người thiểu số Thái, Khơ mú và Ô du..., dẫn đến tình trạng phá vỡ cấu trúc làng bản cổ truyền, trong đó có không gian cư trú như nhà ở miền núi.

Thực tế cho thấy những gì thu được vẫn còn rất xa với những gì cần phải đạt được. Những gì người dân có được đến hôm nay chưa thực sự tương xứng với những gì họ đã phải bỏ ra và đánh đổi! Những khó khăn trong công cuộc phát triển đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội cho các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An vẫn đang còn chồng chất ở phía trước (Bùi Minh Thuận, 2021).

Thời gian gần đây, đồng bào các dân tộc ở miền Tây Nghệ An đã biết kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình xây dựng nhà ở. Từ việc chuyển từ nhà sàn sang nhà đất đã ảnh hưởng đến sự sắp xếp nơi ăn chốn ở của bà con. Đời sống kinh tế ngày càng phát triển thì đồ dùng sinh hoạt hàng ngày cũng phong phú và tiện nghi hơn. Chính trong quá trình đó, đã làm nảy sinh tâm lý chuộng ngoại, chuộng lạ khiến cho các sản phẩm truyền thống của tộc người bị xem nhẹ. Các ngôi nhà có nhiều thế hệ cùng chung sống đã được thay thế bằng những ngôi nhà nhỏ của các hộ gia đình, thể hiện sự phát triển của xã hội, nhưng mặt nào đó đã tác động đến đời sống sinh hoạt và tâm lý cộng đồng. Trong những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống giao thông ở vùng miền núi phía Tây Nghệ An đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc trong việc đi lại, trao đổi hàng hóa và giao lưu mở rộng quan hệ. Sự phát triển trong các hoạt động kinh tế nhất là trong các lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của người dân. Bữa ăn hàng ngày của đồng bào ngày càng phong phú và đầy đủ chất dinh dưỡng hơn. Tuy nhiên, do rừng bị tàn phá, nguồn tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt nên nguồn thức ăn từ săn bắn, hái lượm... ngày càng ít đi. Những thực phẩm tự nhiên có sẵn trong môi trường xung quanh dần đang ít đi, các tập quán canh tác truyền thống đang ngày càng mai một. Một số món ăn, đồ uống truyền thống trước được sử dụng hàng ngày thì nay đang hiếm dần.

Trong nhiều bản làng của người Thái trước quen ăn cơm nếp thì nay đã chuyển sang ăn cơm tẻ, cơm nếp chỉ còn thu hẹp trong phạm vi sinh hoạt tín ngưỡng, hội hè, lễ nghi. Món cơm lam cũng chỉ còn thấy trong các dịp lễ hội. Về đồ uống, rượu chưng cất

được dùng phổ biến hơn rượu cần và trở nên thông dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Thuốc lá bao thay thế dần thuốc vè. Tục ăn trầu nay chỉ còn lại chủ yếu ở một số người già. Văn hóa ăn uống và tinh hoa ẩm thực truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số nơi đây chỉ còn đọng lại trong các dịp lễ hội hay qua các cuộc thi ẩm thực dân tộc.

Y phục và trang sức trong đời sống của các dân tộc cũng có nhiều thay đổi do xu hướng công nghiệp hóa, cùng với đó là sự giao lưu rất mạnh mẽ với người Kinh và sự tiếp xúc với nước ngoài. Trang phục của các dân tộc phần lớn bị pha tạp và ảnh hưởng nhiều của người Kinh, các sắc thái truyền thống chỉ còn được thể hiện trong các nghi lễ. Một số dân tộc như Thái, Hmông đã biết sử dụng các loại sợi, vải công nghiệp để cải tiến bộ y phục truyền thống của họ, tạo nên những kiểu dáng mới lạ, đẹp mắt. Tuy nhiên, xu hướng này chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, cũng chính do sự thay đổi về sở thích và chất liệu y phục đã làm suy yếu nghề dệt vải truyền thống một cách nhanh chóng trong thời gian gần đây, trong đó có mặt hàng dệt thổ cẩm rất nổi tiếng của cộng đồng người Thái, người Hmông... nơi miền Tây xứ Nghệ.

3.2. Trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể

Trong quá trình sinh sống cùng nhau lập bản, dựng mừng các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An đã sáng tạo nên một nền văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng mang đậm bản sắc văn hóa tộc người.

Một trong những yếu tố quan trọng, thậm chí có thể coi là quan trọng nhất thể hiện sự tồn tại của văn hoá một tộc người là ngôn ngữ. Đây chính là tiêu chí mà các nhà dân tộc học Việt Nam nhấn mạnh, Khổng Diễn đã nhận định rằng *“trong tất cả các đặc trưng tộc người thì ngôn ngữ là quan trọng nhất”* (Nguyễn Văn Lợi, 2002). Quá trình cư trú xem kẽ và khi thực hiện di dân tái định cư cho các cộng đồng người như Khơ mú, Ô đư, Đan Lai (Thỏ) đến những nơi ở mới đã bị bao vây giữa nhiều bề là cư dân của dân tộc khác, trên nguyên tắc giao tiếp, là sự thừa dần của tần suất sử dụng ngôn ngữ, và lâu dài là mất hẳn ngôn ngữ tộc người, mà điển hình là ngôn ngữ của tộc người Ô Đư. Từ đó, nề nếp phong tục tập quán cũng sẽ mờ nhạt dần, tiếp theo đó sẽ là lễ hội và tín ngưỡng... Các cuộc hôn phối, hôn nhân hỗn hợp giữa các tộc người Khơ mú, Thỏ, Ô đư... với người Thái và người Kinh ngày càng diễn ra phổ biến hơn, đã làm gia tăng tốc độ suy thoái về mặt ngôn ngữ, sự thay đổi phong tục tập quán... sẽ khiến bản sắc văn hoá tộc người ngày càng nhanh chóng bị mai một.

Chữ viết của cộng đồng người Thái được bắt nguồn từ chữ Brahmi - một loại chữ cổ của tiếng Sanskrit (Ấn Độ) và là những biến thể gián tiếp của thứ chữ này (Viện Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh, 2001). Cũng như những người đồng tộc ở Tây Bắc, người Thái ở miền Tây Nghệ An có truyền thống văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần vô cùng phong phú, trong đó chữ Thái đóng vai trò không kém phần quan trọng. Nó phản ánh trình độ phát triển và mức độ bảo tồn văn hóa dân tộc, nhất là trong thời đại ngày nay, dân tộc và ngôn ngữ được biểu hiện như một khía cạnh chính trị, phản ánh sự mất còn của một tộc người.

Chính văn tự Thái đã góp phần quan trọng trong việc lưu truyền lại cho chúng ta ngày nay một khối lượng lớn những cuốn sử chép tay trên lá cọ, giấy dó... Những tài liệu gia phả của các dòng họ, những luật tục của bản mường, những bản trường ca, những truyện thơ dài, những bài đồng dao, những nghi thức tôn giáo, những sách dạy luân lý ở đời... tất cả những thứ đó đều là những viên ngọc quý, những tài sản tinh thần vô giá, được truyền từ

thế hệ này sang thế hệ khác trong đời sống của cộng đồng người Thái vùng miền Tây Nghệ An (Bùi Minh Thuận, 2019).

Quả thật, chữ viết đã trở thành một phương tiện hết sức quan trọng để truyền tải thông tin, vượt qua mọi khoảng cách của không gian và những biến động của thời gian. Song hiện nay, chữ Thái cổ không còn mấy người đọc được. Vấn đề đặt ra hiện nay là chúng ta phải tạo điều kiện, khuyến khích con em đồng bào Thái đọc thông, viết thạo chữ Thái, nhằm góp phần quan trọng trong việc lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc mình.

Những năm gần đây, ý thức được sự mai một ngày càng nhanh chóng về chữ viết nên một số trí thức người dân tộc Thái như Vi Ngọc Chân, Sầm Văn Bình, Lô Khánh Xuyên... đã tiến hành biên soạn các tài liệu, mở lớp dạy học chữ - tiếng Thái Lai - Tay cho cộng đồng người Thái tại địa phương và những người muốn quan tâm tìm hiểu về thứ văn tự này. Thiết nghĩ, đây là những việc làm rất đáng trân trọng, cần được khuyến khích và nhân rộng. Bởi vì, việc giữ gìn ngôn ngữ và chữ viết, chính là góp phần quan trọng để bảo tồn bản sắc văn hóa của tộc người (Trần Văn Thức, 2011).

Các dân tộc thiểu số có vốn văn hóa nghệ thuật ngôn từ hết sức phong phú, đa dạng như: truyện kể dân gian, ca dao, dân ca, truyện ngụ ngôn, thành ngữ, tục ngữ, truyện cười... Vốn văn hóa này vô hình này chứa đựng những giá trị tri thức, tình cảm và tâm lý của các cộng đồng tộc người. Mặc dù trong thời gian gần đây đã được sưu tầm, nghiên cứu và xuất bản nhưng vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Nguy cơ các di sản văn hóa quý giá này sẽ bị mất đi cùng với sự ra đi của các thế hệ người già là một thực tế đáng báo động.

Trong lĩnh vực văn hóa tinh thần thì tín ngưỡng, lễ nghi và phong tục là những lĩnh vực của đời sống tâm linh, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống sinh hoạt văn hóa, in đậm bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng tộc người. Rất tiếc là trong thời gian gần đây, ở những vùng sâu, vùng xa lại tái hiện những hiện tượng tiêu cực như bùa chú, phép thuật chữa bệnh... Đây là những hủ tục lỗi thời, không có cơ sở khoa học và rất nguy hiểm cần phải xóa bỏ. Sinh hoạt lễ hội là hình thức sinh hoạt cộng đồng rất sinh động, phản ánh bản sắc văn hóa của tộc người hiện nay đang được khôi phục nhưng việc tổ chức còn sơ sài và bị thương mại hóa.

Trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng, nền kinh tế thị trường đã tác động một cách sâu sắc tới mọi ngõ ngách của đời sống hiện nay. Chính trong quá trình phát triển đó đã cuốn trôi tất cả những gì không còn môi trường tồn tại. Trong số những yếu tố bị cuốn đi trong dòng thác ấy, có không ít các giá trị văn hóa mà thực tế không phải là trở lực của quá trình phát triển. Các tri thức bản địa vẫn có vai trò rất quan trọng trong công cuộc mưu sinh hiện nay. Tuy nhiên, không phải tất cả các chủ trương, chính sách của nhà nước đều có thể tạo điều kiện cho người dân giữ lại được các thể mạnh văn hoá của mình. Những mô tả của các nhà Dân tộc học/Nhân học trong những năm qua luôn đề cập đến sự phát triển như một sức ép đối với công tác bảo tồn và gìn giữ di sản văn hoá dân tộc (Mai Thanh Sơn, 2007).

Nhìn chung, thực trạng văn hóa của các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An đã và đang đặt ra một vấn đề rất bức xúc hiện nay là phải xây dựng cho được một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đã được xác định trong cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, đồng thời việc bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hóa của dân tộc là trọng tâm của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực văn hóa.

4. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương khóa VIII xác định 05 quan điểm chỉ đạo cơ bản để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quan điểm đầu tiên được nêu ra là: *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”*. Quan điểm này không chỉ xác định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp đổi mới mà còn thể hiện tư tưởng cơ bản của Đảng về sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế (Đảng cộng sản Việt Nam, 1998).

Trải qua các thời kỳ lịch sử, đây chính là tiền đề, là cơ sở để mỗi nền văn hóa tìm thấy điểm tựa và nguồn lực nội sinh cho sự phát triển. Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay đã và đang đặt ra rất nhiều vấn đề cần nghiên cứu, giải quyết cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Văn hoá là hồn cốt của bất kỳ một tộc người nào. Đồng thời, văn hoá tộc người còn gắn với vấn đề chính trị - xã hội, vấn đề dân tộc. Một cộng đồng dân cư nếu để mất đi văn hoá thì nói một cách hình ảnh, con người sinh học vẫn còn nhưng con người văn hoá, cộng đồng văn hoá đã hoà vào dòng chảy khác. Văn hoá là một giá trị truyền thống bền vững của các tộc người, bởi vì, nó được sinh thành và khẳng định qua hàng nghìn năm tồn tại. Nhưng mặt khác, văn hóa nói chung không phải là hiện tượng *“nhất thành bất biến”*, mà nó luôn vận động, biến đổi do sự tác động nhiều chiều từ những nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách qua. Bất kỳ tộc người này, chúng ta cũng có thể nhận thấy hiện tượng này.

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người phải gắn liền với sự phát triển dân tộc. Bảo tồn văn hóa với hai biện pháp: một là *“bảo tồn tĩnh”* là giữ lại nguyên mẫu các hiện vật hay các hiện tượng văn hóa nào đó bằng cách mô tả, giới thiệu trên sách báo, băng hình, giữ lại các hiện vật gốc trong bảo tàng; hai là *“bảo tồn động”* tức là gắn liền việc bảo tồn văn hóa với sinh hoạt cộng đồng.

Văn hóa rất đa dạng và phong phú, mỗi tộc người, mỗi địa phương lại có cốt cách và sắc thái riêng. Chính vì vậy, không thể áp đặt, nhát thể hóa, hay đơn giản hóa một cách tùy tiện. Bản sắc văn hóa dân tộc thông qua những sắc thái văn hóa cụ thể của cuộc sống vật chất và tinh thần, tiếng nói, chữ viết của mỗi dân tộc. Nó được biểu hiện cụ thể qua việc ăn, ở, mặc, đi lại, những chuẩn mực của các mối quan hệ xã hội đã được cố định hóa trong các phong tục, tập quán, tập quán pháp; thể hiện qua các hình thức khác nhau của đời sống tinh thần như: văn học dân gian, các hình thức diễn xướng dân gian, các nghệ thuật tạo hình, lễ hội... Vì vậy, để gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc ở miền Tây Nghệ An, cần phải tiến hành những việc cơ bản sau đây:

1. Trước hết cần phải tiến hành điều tra, nghiên cứu và sưu tầm những di sản văn hóa của từng dân tộc thiểu số như: Hmông, Khơ mú, Ô đù, Thái và Thổ. Từ đó, đưa ra những kết luận có cơ sở khoa học và có sức thuyết phục. Đó là công việc của các nhà nghiên cứu, cần được sự phối kết hợp chặt chẽ và sự giúp đỡ của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

2. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự cần thiết đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu, giáo dục rộng rãi cho các dân tộc hiểu rõ nhau hơn và nâng cao ý thức về các giá trị văn hóa của cộng đồng mình.

3. Cần phải đưa nội dung giáo dục văn hóa của các dân tộc thiểu số vào chương trình giáo dục ở nhà trường phổ thông, coi đó là vốn tri thức văn hóa quý giá mà lớp trẻ,

thế hệ sau cần phải hấp thụ qua trường lớp trước khi bước vào cuộc sống, để tiếp tục sáng tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của ông cha để lại.

4. Cần bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy di sản văn hóa của các dân tộc. Di sản văn hóa vừa là cốt lõi phản ánh bản sắc dân tộc, vừa là cơ sở để sáng tạo và xây dựng các giá trị văn hóa mới, vừa là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Các di sản văn hóa cần được giao cho một số chủ sở hữu đảm nhận để vừa khai thác, vừa bảo vệ, tôn tạo, gìn giữ và phát huy vai trò và ảnh hưởng của nó đối với xã hội.

5. Để bảo tồn và phát huy vốn văn hóa quý giá của dân tộc cần thiết phải xây dựng các nhà bảo tàng, làng văn hóa, khu du lịch... Đây sẽ là nơi thực hành, tổ chức các lễ hội truyền thống, trưng bày giới thiệu văn hóa dân tộc và cũng là nơi giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

6. Trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương vùng miền Tây Nghệ An cần chú ý tạo ra môi trường sống phù hợp cho từng dân tộc cả về môi trường tự nhiên lẫn xã hội như: rừng núi, sông suối, đất đai canh tác, các quan hệ cộng đồng và các nguyên tắc ứng xử của xã hội cổ truyền. Đặc biệt là duy trì và phát triển tiếng nói, chữ viết của từng dân tộc để làm phương tiện truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp qua các thế hệ.

7. Để thực hiện được những giải pháp nêu trên, cần phải đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn cho từng dân tộc và nâng cao trình độ học vấn cho đồng bào. Đội ngũ cán bộ trí thức dân tộc là lớp người có trách nhiệm hấp thụ, lưu giữ và truyền bá bản sắc văn hóa dân tộc. Chính họ là cầu nối giữa đồng bào mình với xã hội và thế giới xung quanh. Tăng cường xây dựng và phát triển giáo dục miền núi là phương tiện hữu hiệu và bền vững nhất giúp đồng bào gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình.

5. Kết luận

Để bảo tồn và phát huy được giá trị của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An trong giai đoạn hiện nay cần phải có thời gian cùng với những giải pháp đồng bộ và phù hợp. Trước hết, chúng ta cần phải thấm nhuần tư tưởng trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, có nền văn hóa rất đa dạng và phong phú là vốn tài sản vô cùng quý báu của cộng đồng 54 dân tộc anh em.

Trải qua quá trình phát triển, các dân tộc thiểu số ở Nghệ An dù có nguồn gốc nhau, định cư tại nơi đây vào các khoảng thời gian khác nhau... nhưng đã cùng nhau “*chung lưng đấu cật*” lập bản, dựng mường tạo nên một nền văn hóa thống nhất từ đa dạng. Trong đó, bản sắc văn hóa của mỗi tộc người chính là bộ phận tinh hoa, là phần cốt lõi và tinh túy nhất. Những đặc trưng văn hóa này đã trở thành nền tảng, động lực và đồng thời là nguồn vốn vô cùng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các cộng đồng tộc người.

Trong không khí nỗ lực gìn giữ bản sắc, đề cao vai trò thực hành văn hóa trong đời sống của cộng đồng và coi văn hóa là nguồn lực, nguồn vốn nhằm phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số trong thời kỳ hội nhập thì cần phải hiểu và tôn trọng ý chí của chủ thể văn hóa hay của cộng đồng các tộc người là điều hết sức cần thiết. Đó cũng chính là yếu tố “*sống còn*” của văn hóa nói chung, văn hóa các tộc người thiểu số nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An (2016). *Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 70 năm xây dựng và phát triển (1946-2016)*. NXB Nghệ An.
- Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An (2019). *Số liệu tổng điều tra các dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An*.
- Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An (1/2020). *Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020*.
- Đảng cộng sản Việt Nam (1998). *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCHTW khóa VIII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Kozlov, V. I. (1967). *On the Notion of Ethnic Community (Nhận xét về cộng đồng tộc người)*. Sovetskaya Ethnographia, no.2.
- Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu (1998). *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. TP. HCM: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Đình Lộc (1993). *Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An*. NXB Nghệ An.
- Nguyễn Văn Lợi (2002). *Kỷ yếu Hội thảo bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*. Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học.
- Hoàng Xuân Lương (2000). *Văn hóa người Mông ở Nghệ An*. Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- Nhiều tác giả (1995). *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Mai Thanh Sơn (1990). *Con Trâu trong đời sống kinh tế - xã hội truyền thống của người Thái ở huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ Tĩnh*. Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
- Mai Thanh Sơn và cộng sự (2007). *Dự án “Bước đầu tổng kế các phương pháp phát triển và tìm kiếm các cơ chế nhằm nâng cao tiếng nói của cộng đồng dân tộc thiểu số qua trình ra quyết định”*. Báo cáo phân tích tài liệu thứ cấp, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2004). *Ka Tu kẻ sống đầu ngọn nước*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Bùi Minh Thuận (2019). Văn học dân gian trong đời sống của cộng đồng người Thái ở Nghệ An. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*, tập 48, số 3. DOI: 10.56824/vujs.2020sh01
- Bùi Minh Thuận (2021). *Phương thức mưu sinh của người Đan Lai*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Trần Văn Thức (Chủ biên) (2011). *Địa chí huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Trần Vũ Tài (Chủ biên) (2020). *Địa chí huyện Kỳ Sơn*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia sự thật.
- Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2015). *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập 1: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia sự thật.
- Dương Hồng Từ, Dương Duy Tiến (2005). *Văn hóa dân gian người Mông ở Nghệ An*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

UBND tỉnh Nghệ An (2014). *Nghệ An toàn chí, Tập I: Địa lý tỉnh Nghệ An*. Hà Nội: NXB Thông tin và Truyền thông.

Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (2001). *Lịch sử Việt Nam, Tập I*. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

ABSTRACT

CULTURE OF ETHNIC MINORITIES IN THE WEST OF NGHE AN IN THE CURRENT CONTEXT

Bui Minh Thuan

*Department of Tourism and Social Work,
School of Social Sciences and Humanities, Vinh University, Vietnam*

Received on 22/02/2023, accepted for publication on 22/5/2023

Nghe An is a long-standing area inhabited by ethnic minorities such as: Thai, Tho, Hmong, Kho mu, O đu. It was in this land that the ethnic groups have together established villages, build “muong”, created cultural features imbued with ethnic identity, contributing to the formation of cultural characteristics of the western Nghe An. However, in the flow of socio-economic life, the influence of the guidelines and policies of the State, in the past few decades, many traditional cultural phenomena in the lives of ethnic groups are on a declining trend and increasingly disappearing. The article presents the results of research on the culture of ethnic minorities in Western Nghe An in the current context, thereby proposing a number of solutions to contribute to preserving and promoting the cultural identity of ethnic minorities in the western region of Nghe An.

Keywords: Culture; ethnic minorities; Nghe An.